

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 54/2021/HNST
Ngày: 21/5/2021
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Anh Khoa**
2. Ông **Võ Hoàng Vũ**

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 21/5/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số 182/2021/TLST–HNST ngày 13/4/2021 về việc “*tranh chấp ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 307/2021/QĐST ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **L.T.T.L**, sinh năm 1988 (*có mặt*)

Địa chỉ: 121 Nguyễn Huệ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

* **Bị đơn:** Ông **V.T.T**, sinh năm 1987 (*có mặt*)

Địa chỉ: 121 Nguyễn Huệ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Bà và ông V.T.T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 08/7/2014 tại UBND phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã đời sống chung không hạnh phúc, mặc dù bà đã tạo nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng không đạt kết quả. Nay tình cảm không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.T.T.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là V.N.Q (nữ) sinh ngày 26/9/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu ông Thanh cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bì đơn trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà L.T.T.L về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn và ông đồng ý ly hôn với bà L.T.T.L.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là V.N.Q (nữ) sinh ngày 26/9/2014. Hiện nay cháu đang ở với nhà nội nên ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Q., không yêu cầu bà Lan cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu V.N.Q (nữ) và yêu cầu ông Thanh cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đồng/tháng đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi.

Bị đơn ông Thanh đồng ý ly hôn với bà L.T.T.L, thống nhất ông bà không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q., không yêu cầu bà L. cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà L. ông đồng ý với mức cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Q. đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà L.T.T.L và ông V.T.T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà L. có đơn yêu cầu ly hôn với ông T., yêu cầu được nuôi con chung, giải quyết tài sản chung và nợ chung. Vụ kiện được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ kiện. Do đó, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Về quan hệ hôn nhân: bà L. và ông T. tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do sự bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không có sự chăm sóc và chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung. Đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà Lan nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn nên có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông V.T.T. Về phía ông Thanh cũng thống nhất với ý kiến của bà L. và đồng ý ly hôn với bà L. nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[4] *Về con chung:* Tại phiên tòa, hai bên đều giành quyền nuôi dưỡng con chung là cháu V.N.Q (nữ) sinh ngày 26/9/2014. Tuy nhiên, qua lời trình bày các bên chi không thống nhất được với nhau về phân chia thời gian chăm sóc con, cụ thể bà L. trình bày tạo mọi điều kiện để ông T. được thăm con (bà chỉ yêu cầu được đón bé về ngủ buổi tối với mẹ và các ngày cuối tuần bé không đi học ông T. có thể đón bé về thăm nội). Ông T. không đồng ý mà cho rằng các ngày trong tuần bé ở với ông và bà L. có thể đón bé về thăm ngày cuối tuần. Xét thấy, hiện nay cháu Q. còn nhỏ tuổi và lại bé gái mặc dù còn đang sống chung với bố mẹ tại nhà của ông bà nội, nhưng bé và mẹ ngủ ở phòng riêng nên xét về lâu dài để đảm bảo cho sự phát triển tốt về tâm sinh lý của bé thì vai trò của người mẹ là quan trọng. Mặt khác, bà L. cũng có công việc ổn định có điều kiện để chăm lo cho cháu Q. do đó Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V.N.Q cho bà L.T.T.L trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] *Về cấp dưỡng:* tại phiên tòa ông T. không có ý kiến và cũng đồng ý về mức cấp dưỡng mà bà L. đưa ra là 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Q. đủ 18 tuổi, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung:* các đương sự thống nhất không có tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6] *Về án phí hôn nhân:* Nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 207, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L.T.T.L và ông V.T.T.

- Về con chung: giao cháu V.N.Q (nữ) sinh ngày 26/9/2014 cho bà L.T.T.L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông V.T.T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông V.T.T không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự thống nhất không có tài sản chung, nợ chung. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về án phí: Nguyên đơn bà L.T.T.L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003826 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Ông V.T.T phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Huyền Trang